

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 313/2019/HS - ST

Ngày: 31- 10- 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**N- ỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Linh - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Ông Lê Khánh Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 306/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2019/QĐXXST - HS ngày 25/9/2019 đối với bị cáo:

Bùi Văn Đ - sinh năm 1991 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: đường T, thôn Đ, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn M (đã chết) và bà Trần Thị H; vợ: Đỗ Thị T và 01 con; Tiền án, tiền sự: chưa; Tạm giữ: 30/4/2019; tạm giam: 09/5/2019 “có mặt”.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị H - SN 1969 “vắng mặt”

Trú tại: SN 397 Bà Triệu, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Phạm Thị T2 - SN 1988 “vắng mặt”

Trú tại: SN 17 Trần Nhật Duật, phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Đỗ Thị L - SN 1963 “vắng mặt”

Trú tại: SN 33 Phạm Hồng Thái, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty tài chính TNHH H

Địa chỉ: P, phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Văn P - Trưởng nhóm thu hồi nợ của Công ty theo Giấy ủy quyền số 191025-01/UQQ-COL ngày 25/10/2019, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian từ ngày 09/4/2019 đến ngày 29/4/2019 Bùi Văn Đ đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố T như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21h ngày 09/4/2019, Bùi Văn Đ điều khiển xe mô tô Wave RSX màu đỏ đen BKS 36B6-821.37 từ nhà đến thành phố T. Khi đi đến đầu đường tránh thành phố T, Đ dừng xe tháo BKS cất vào trong cốp và tiếp tục đi vào đường L giao nhau với đường T thì phát hiện chị Phạm Thị T2 ngồi sau xe máy do chồng điều khiển lưu thông phía trước cùng chiều đang cầm điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh trên tay sử dụng nhắn tin. Đ điều khiển xe đi theo, khi đến trước T, phường T, thành phố T thì tăng ga vượt lên áp sát phía bên phải chị T2, dùng tay trái giật điện thoại và phóng xe bỏ chạy ra khu vực cầu vượt T rồi đi về nhà. Đến sáng ngày 10/4/2019 Đ mang chiếc điện thoại đến bán cho anh Mai Trung Q ở thôn Đ, xã Q, huyện Q được 3.000.000đ (ba triệu đồng), số tiền trên Đ tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi biết được tài sản trên do phạm tội mà có nên ngày 14/5/2019 anh Q đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại trên.

Ngày 07/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Thanh Hóa xác định chiếc điện thoại trên trị giá 5.600.000 đồng. Chị T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ hai: Khoảng 19h ngày 15/4/2019, Đ một mình điều khiển xe mô tô Wave RSX màu đỏ đen không đeo BKS đến đường L hướng ra Đại Lộ L, phường L, thành phố Thanh Hóa thì phát hiện bà Đỗ Thị L đang điều khiển xe mô tô Attila màu đỏ BKS 36P8-3854 phía trước cùng chiều, trên cổ đeo sợi dây chuyền vàng. Đ tăng ga áp sát phía bên phải, dùng tay trái giật sợi dây chuyền rồi phóng xe ra đường Đại Lộ L rồi đi về nhà cất sợi dây chuyền. Sáng ngày 16/4/2019 Đ mang sợi dây chuyền đến hiệu vàng K ở Q, phường N, thành phố T bán cho anh Đàm Lê Đ2 lấy 3.000.000đ, số tiền trên Đ tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 03/5/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Thanh Hóa xác định sợi dây chuyền vàng có giá trị 5.950.000đ.

Sau khi mua sợi dây chuyền của Đ, anh Đức đã chế tác và bán cho khách qua đường nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng. Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà L, bà L không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ ba: Khoảng 21h ngày 29/4/2019, Đ một mình điều khiển xe mô tô Wave RSX màu đỏ đen không đeo BKS trên đường T, phường Đ, thành phố T đến trước khu vực vòng xuyên trước nhà hàng D thì phát hiện thấy bà Nguyễn Thị H trên cổ có đeo sợi dây chuyền, ngồi sau xe máy do anh Ngô Sỹ N (con trai) điều khiển, lưu thông phía trước cùng chiều. Đ điều khiển xe đi theo. Khi đi đến khu vực ngã ba đường B - Nguyễn Chí T (phía trước nhà hàng C) phường Đ, thành phố T, Đ tăng ga áp sát phía bên phải bà H, dùng tay trái giật sợi dây chuyền thì bị ngã, sợi dây chuyền rơi xuống đất. Đ bị bà H, anh N và quần chúng nhân dân cùng Công an phường Đ bắt giữ.

Ngày 07/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS TP Thanh Hóa xác định sợi dây chuyền trị giá là 14.420.000đ. Bà H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Đối với anh Mai Trung Q và anh Đàm Lê Đ là người tiêu thụ tài sản nhưng không biết tài sản là do Đ phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Anh Q không yêu cầu Đ phải trả lại số tiền 3.000.000đ mua điện thoại.

Đối với chiếc xe máy Wave RSX màu đỏ đen Đ dùng làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh chiếc xe trên đăng ký chủ sở hữu là của Đ nên Cơ quan điều tra chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 283/CT-VKS ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Bùi Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Từ ngày 09/4/2019 đến ngày 29/4/2019 Bùi Văn Đ đã thực hiện 03 hành vi cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố T gồm: cướp giật của chị Phạm Thị T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 trị giá 5.600.000đ; của bà Đỗ Thị L 01 sợi dây chuyền trị giá 5.950.000đ và của bà Nguyễn Thị H 01 sợi dây chuyền trị giá 14.420.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo cướp giật được là 25.970.000đ. Bị cáo dùng xe máy để cướp giật tài sản là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo như trên là có cơ sở và đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Bùi Văn Đ có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng người bị hại đang tham gia giao thông, sơ hở trong việc quản lý tài sản. Bị cáo dùng xe máy làm phương tiện phạm tội, đã nhanh chóng tiếp cận giật lấy tài sản của người bị hại một cách công khai rồi tẩu thoát. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an chung, cần phải xử lý nghiêm minh.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng với tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ hành vi phạm tội thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Do bị cáo thực hiện 03 hành vi cướp giật tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 HLHS.

Khi áp dụng hành phạt cần căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bà L và bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị H và chị Phạm Thị T2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; gia đình bị cáo và bà L đã thỏa thuận bồi thường xong. Các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự nên công nhận phần dân sự giữa bị cáo và bà H, bà L, chị T2 đã được giải quyết xong.

[6] *Về vật chứng*: Đối với chiếc máy Wave RSX BKS màu đỏ đen không biển số Đ dùng làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh chiếc xe trên được cấp BKS 36B6-821.37, đăng ký chủ sở hữu là của Đ. Bị cáo Đ vay tiền của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H để mua xe trên với phương thức trả góp và đang thế chấp chiếc xe này cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H. Bị cáo đã thanh toán cho Công ty H số tiền 8.826.000đ. Số tiền bị cáo còn phải thanh toán tiếp là 12.538.944đ. Vì vậy, giao cho cơ quan có thẩm quyền bán phát mại chiếc xe máy trên. Số tiền bán phát mại chiếc xe trên ưu tiên thanh toán số tiền 12.538.944đ cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H. Trường hợp còn thừa tiền từ việc bán phát mại tài sản thì tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 của Q Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Q Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Đ 04 năm 06 tháng (bốn năm sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và bà H, bà L, chị T2 đã được giải quyết xong.

Về vật chứng: Giao cho cơ quan có thẩm quyền bán phát mại một xe máy nhãn hiệu Honda RSX, màu đỏ đen, số khung RLHJA3829JY000235; số máy JA38C0397919. Xe không gắn BKS, xe không gương, bên trong cốp xe có 01 BKS số 36B6-82.173. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng của xe. Số tiền bán phát mại ưu tiên thanh toán cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 12.869.603đ. Trường hợp còn thừa tiền từ việc bán phát mại tài sản thì tịch thu sung ngân sách nhà nước.

(Chiếc xe trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 231/THA ngày 04/9/2019).

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo

quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia TT khác
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy